TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **692**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 675/2026/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị NTM**, sinh ngày 13/3/1995; CCCD số: 001***796; ngày cấp: 04/11/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Thôn 4 Đ, xã BT, thành phố H.

- *Bị đơn:* **Anh NTL**, sinh ngày 02/12/1993; CCCD số: 001***321; ngày cấp: 29/04/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú: Thôn 1 Giang Cao, xã BT, thành phố H. .

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTM, sinh năm 1995 và anh

NTL, sinh năm 1993.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTM và anh NTL, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị M và anh L cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu NTA (Nam), sinh ngày 20/5/2018, cháu NMK (Nam), sinh ngày 31/01/2021.

Khi ly hôn, chị M và anh L thống nhất thỏa thuận: anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu TA và cháu MK. Ghi nhận việc chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.500.000đồng/tháng/con kể từ tháng 07/2026 cho đến khi các con chung của anh chị trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của chị M.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị M và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTM chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0014764 ngày 17 tháng 06 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5), nay chuyển thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án ND TP H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án DS TP H – Phòng thi hành án KV5;
- UBND X.BT (GCNKH số 49/2017 của UBND X. BT, H.Gia Lâm, TP. H cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Ngọc